

Số: **44** /2017/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **15** tháng **12** năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ;

Theo đề nghị của Liên ngành: Sở Giao thông vận tải - Sở Tài chính - Sở Lao động Thương binh và Xã hội - Cục Thuế thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 871/TTrLN:SGTVT-STC-LĐT&XH-CT ngày 02/11/2017, Tờ trình bổ sung số 946/TTrLN:SGTVT-STC ngày 27/11/2017 về việc đề nghị phê duyệt giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này quy định về giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với trông giữ xe thông thường và ứng dụng trông giữ xe thanh toán tự động qua ứng dụng công nghệ thông minh: Các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện, xe máy điện), xe máy, xe ô tô.

Rh

2. Đối với công giữ phương tiện giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông: Người bị tạm giữ phương tiện do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (TTATGT) theo quy định.

Riêng đối với các trường hợp sau:

2.1. Phương tiện bị tạm giữ nhưng xác định người sử dụng phương tiện giao thông không có lỗi trong việc chấp hành pháp luật về TTATGT thì không phải nộp tiền dịch vụ công giữ phương tiện. Nếu người sử dụng phương tiện đã nộp tiền dịch vụ thì đơn vị thu phải hoàn trả lại tiền dịch vụ đã thu. Trường hợp đơn vị thu là đơn vị chuyên doanh công giữ phương tiện thì đơn vị ra quyết định tạm giữ phải chi trả cho đơn vị chuyên doanh công giữ phương tiện, khoản tiền dịch vụ công giữ này từ khoản tiền xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ mà đơn vị được sử dụng.

2.2. Phương tiện bị tạm giữ có quyết định tịch thu thì số tiền dịch vụ công giữ được sử dụng từ tiền bán đấu giá phương tiện vi phạm.

2.3. Trường hợp phương tiện bị tạm giữ được chuyển sang cơ quan điều tra thì không phải nộp tiền công giữ.

3. Các tổ chức, cá nhân có thể áp dụng mức giá công giữ phương tiện giao thông tại Quyết định này để thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các dự án xây dựng bãi đỗ xe.

Điều 3. Mức giá dịch vụ công giữ xe

1. Các mức thu quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này là mức giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

2. Đối với dịch vụ công giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước (sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để công giữ phương tiện giao thông, giàn công giữ xe cao tầng,...), thực hiện theo mức giá cụ thể theo mục I phụ lục đính kèm.

3. Đối với dịch vụ công giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (bên trong các toà nhà chung cư, các trung tâm thương mại, các bãi đỗ xe,...)

Chủ đầu tư căn cứ chi phí thực tế tại từng điểm công giữ phương tiện giao thông để xây dựng mức giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ Tài chính và quyết định lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ công giữ phương tiện giao thông nhưng không được cao hơn mức giá quy định tại mục I phụ lục đính kèm, tránh gây tác động ảnh hưởng đời sống nhân dân.

Giao UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây có trách nhiệm xem xét, giải quyết các vướng mắc về giá dịch vụ công giữ phương tiện trên địa bàn.

4. Đối với dịch vụ công giữ xe thanh toán tự động qua ứng dụng công nghệ thông minh theo mức giá tại mục III phụ lục đính kèm.

5. Đối với dịch vụ trông giữ phương tiện tham gia giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông theo mức giá tại mục IV phụ lục đính kèm.

Trách nhiệm của đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện trông giữ: Niêm yết công khai tại địa điểm thu về mức giá, phương thức thu và cơ quan quy định thu; thực hiện thu theo giá niêm yết.

Trong quá trình thực hiện có sự thay đổi về chính sách hoặc biến động về giá, UBND các quận, huyện, thị xã Sơn Tây, các nhà đầu tư có trách nhiệm tổng hợp, đề xuất với Sở Giao thông vận tải để tham mưu, báo cáo UBND Thành phố kịp thời điều chỉnh.

Điều 4. Đơn vị tổ chức thu (thực hiện theo phân cấp quản lý)

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ phương tiện có kho, bãi và đủ điều kiện quản lý trông giữ phương tiện.

Riêng đối với các cơ quan Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các cấp, các Sở, ngành trên địa bàn thành phố Hà Nội có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông của cán bộ, công chức, viên chức và của người đến giao dịch, làm việc; không được thu tiền gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc (theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước).

Điều 5. Quản lý, sử dụng số tiền thu được

1. Số tiền trông giữ xe là doanh thu của các tổ chức, cá nhân. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định.

2. Đối với các tổ chức, đơn vị thực hiện trông giữ phương tiện trong trường hợp cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ phương tiện thì số tiền thu được (nếu có) sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước, phần còn lại được chi theo quy định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2018, thay thế quyết định số 58/2016/QĐ-UBND ngày 31/12/2016 của UBND Thành phố ban hành giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe máy (kể cả xe máy điện), xe ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội, Văn bản số 4484/UBND-KT ngày 13/9/2017 của UBND Thành phố về việc giá dịch vụ trông giữ xe tự động qua điện thoại di động IPARKING tạm thời tại 04 quận Hoàn Kiếm, Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

Abh

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục trưởng Cục Thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Tài chính;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- VPUB: Các PCVP; các phòng CV;
- Báo Hà Nội mới, Báo KTĐT;
- Công giao tiếp điện tử Thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KT. *Ab*

65.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

1875



PHỤ LỤC
GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE ĐẠP, XE MÁY, XE Ô TÔ TRÊN ĐỊA
BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44 /2017/QĐ-UBND ngày 15 /12 /2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

I. GIÁ CỤ THỂ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE ĐƯỢC ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tại lòng đường, hè phố, chợ, trường học, bệnh viện, các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hoá, bên trong các toà nhà chung cư, các trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng...)

1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện), xe máy (kể cả xe máy điện)

- Các mức thu quy định dưới đây là mức thu đã bao gồm gửi mũ bảo hiểm (nếu có);

- Một lượt xe: là một lần xe vào, xe ra điểm trông giữ xe;

- Thời gian ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ, thời gian ban đêm: từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ ngày hôm sau.

1.1. Tại địa bàn các quận; tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa (không phân biệt theo địa bàn):

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	3.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	7.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	70.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	5.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	8.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	12.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	120.000

1.2. Tại các Chợ, trường học, bệnh viện địa bàn các quận:

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	45.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	3.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	5.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	7.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	70.000

1.3. Tại các huyện ngoại thành (trừ trường hợp trông giữ xe tại các điểm danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa) và thị xã Sơn Tây.

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
1. Giá dịch vụ trông giữ xe đạp (kể cả xe đạp điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	1.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	2.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	30.000
2. Giá dịch vụ trông giữ xe máy (xe máy điện)		
- Ban ngày	đồng/xe/lượt	2.000
- Ban đêm	đồng/xe/lượt	3.000
- Cả ngày và đêm	đồng/xe/lượt	4.000
- Theo tháng	đồng/xe/tháng	50.000

2. Giá dịch vụ trông giữ xe ô tô:

2.1. Giá trông giữ xe ô tô theo từng lượt thông thường:

- Quy định về lượt xe

+ 1 lượt tối đa không quá 60 phút, quá thời gian 60 phút thu thêm các lượt tiếp theo.

+ Trường hợp gửi xe qua đêm (từ sau 18 giờ đến trước 6 giờ sáng hôm sau) tính bằng 6 lượt.

Đơn vị tính: đồng/xe/lượt/1 giờ

STT	Nội dung thu	Xe đến 9 ghế ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống	Xe từ 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 2 tấn
1	Các tuyến phố cần hạn chế: Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng, Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Giấy, Phủ Doãn, Quán Sứ)	30.000	35.000
2	Các tuyến đường, phố còn lại của quận Hoàn Kiếm (trừ khu vực ngoài đê sông Hồng)	25.000	30.000
3	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường vành đai 1 và trên Vành đai 1 (trừ quận Hoàn Kiếm)	25.000	30.000
4	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường Vành đai 2 và trên vành đai 2	20.000	25.000
5	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường Vành đai 3 và trên vành đai 3; các tuyến đường, phố nằm ngoài vành đai 2 thuộc quận Long Biên	15.000	20.000
6	Các tuyến đường, phố còn lại của các quận	12.500	15.000
7	Thị xã Sơn Tây và các huyện ngoại thành	10.000	12.500

2.2. Giá dịch vụ trông giữ xe ô tô hợp đồng theo tháng:

2.2.1. Mức thu đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách)

STT	Địa bàn	Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)			
			Xe đến 9 chỗ ngồi	Từ 10 đến 24 chỗ ngồi	Từ 25 đến 40 chỗ ngồi	Trên 40 chỗ ngồi
1	Các tuyến phố cần hạn chế: Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng, Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Giấy, Phủ Doãn, Quán Sứ)	- Ban ngày	3.000.000	3.600.000		
		- Ban đêm	2.000.000	2.500.000		
		- Ngày, đêm	4.000.000	5.000.000		
2	Các tuyến đường, phố còn lại của quận Hoàn Kiếm (trừ khu vực ngoài đê sông Hồng)	- Ban ngày	2.000.000	2.200.000	2.400.000	2.600.000
		- Ban đêm	1.600.000	1.800.000	2.000.000	2.300.000
		- Ngày, đêm	3.000.000	3.200.000	3.400.000	3.600.000
3	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường vành đai 1 và trên Vành đai 1 (trừ quận Hoàn Kiếm)	- Ban ngày	2.000.000	2.200.000	2.400.000	2.600.000
		- Ban đêm	1.600.000	1.800.000	2.000.000	2.300.000
		- Ngày, đêm	3.000.000	3.200.000	3.400.000	3.600.000
4	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường Vành đai 2 và trên vành đai 2	- Ban ngày	1.500.000	1.700.000	1.800.000	2.000.000
		- Ban đêm	1.200.000	1.400.000	1.500.000	1.700.000
		- Ngày, đêm	2.300.000	2.400.000	2.600.000	2.800.000
5	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường Vành đai 3 và trên vành đai 3; các tuyến đường,	- Ban ngày	1.300.000	1.400.000	1.600.000	1.700.000
		- Ban đêm	1.000.000	1.100.000	1.300.000	1.400.000
		- Ngày, đêm	1.800.000	1.900.000	2.000.000	2.200.000

	phố nằm ngoài vành đai 2 thuộc quận Long Biên					
6	Các tuyến đường, phố còn lại của các quận	- Ban ngày	700.000	800.000	900.000	1.000.000
		- Ban đêm	500.000	600.000	700.000	800.000
		- Ngày, đêm	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000
7	Thị xã Sơn Tây và các huyện ngoại thành	- Ban ngày	300.000	400.000	500.000	600.000
		- Ban đêm	400.000	500.000	600.000	700.000
		- Ngày, đêm	500.000	600.000	700.000	800.000

- Mức giá dịch vụ trông giữ xe ô tô đến 09 chỗ ngồi theo tháng tại các toà nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe hiện đại được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước (trang bị hệ thống giám sát, trông giữ xe thông minh: Camera theo dõi, kiểm tra phương tiện người gửi; quản lý điểm đỗ; ra vào quét thẻ theo dõi giờ vào, giờ ra và tính tiền, in hoá đơn tự động, bảo hiểm gửi xe): Bảng mức giá dịch vụ trông giữ xe ô tô đến 09 chỗ ngồi theo các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường vành đai 1 và trên vành đai 1 (số thứ tự 3 tại bảng trên);

- Mức giá dịch vụ trông giữ xe ô tô đến 09 chỗ ngồi theo tháng tại các toà nhà chung cư, trung tâm thương mại, giàn trông giữ xe cao tầng khác được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Bảng mức giá dịch vụ trông giữ xe ô tô đến 09 chỗ ngồi theo các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường vành đai 2 và trên vành đai 2 (số thứ tự 4 tại bảng trên);

- Mức giá dịch vụ trông giữ xe ô tô đến 09 chỗ ngồi theo tháng tại các toà nhà chung cư tái định cư được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước: Bảng mức giá dịch vụ trông giữ xe ô tô đến 09 chỗ ngồi theo các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường vành đai 3 và trên vành đai 3 (số thứ tự 5 tại bảng trên);

2.2.2. Mức thu đối với loại xe tính theo tải trọng (xe tải)

STT	Địa bàn	Phương thức nhận trông giữ	Mức thu (đồng/tháng)		
			Đến 2 tấn	Trên 2 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
1	Các tuyến phố cần hạn chế: Nguyễn Xí, Đinh Lễ, Lý Thái Tổ, Trần Hưng Đạo, Lý Thường Kiệt, Hai Bà Trưng, Hàng Đường, Hàng Đào, Hàng Ngang, Hàng Giấy, Phủ Doãn, Quán Sứ)	- Ban ngày	2.400.000	3.000.000	3.600.000
		- Ban đêm	1.600.000	2.000.000	2.400.000
		- Ngày, đêm	3.200.000	4.000.000	4.800.000
2	Các tuyến đường, phố còn lại của quận Hoàn Kiếm (trừ khu vực ngoài đê sông Hồng)	- Ban ngày	1.600.000	2.000.000	2.400.000
		- Ban đêm	1.300.000	1.600.000	1.900.000
		- Ngày, đêm	2.400.000	3.000.000	3.600.000
3	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường vành đai 1 và trên Vành đai 1 (trừ quận Hoàn Kiếm)	- Ban ngày	1.600.000	2.000.000	2.400.000
		- Ban đêm	1.300.000	1.600.000	1.900.000
		- Ngày, đêm	2.400.000	3.000.000	3.600.000
4	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường Vành đai 2 và trên vành đai 2	- Ban ngày	1.200.000	1.500.000	1.800.000
		- Ban đêm	1.000.000	1.200.000	1.400.000
		- Ngày, đêm	1.800.000	2.300.000	2.800.000
5	Các tuyến đường, phố thuộc các quận nằm trong đường Vành đai 3 và trên vành đai 3; các tuyến đường, phố nằm ngoài vành đai 2 thuộc quận Long Biên	- Ban ngày	1.000.000	1.300.000	1.600.000
		- Ban đêm	800.000	1.000.000	1.200.000
		- Ngày, đêm	1.400.000	1.800.000	2.200.000
6	Các tuyến đường, phố còn lại của các quận	- Ban ngày	600.000	700.000	900.000
		- Ban đêm	500.000	600.000	800.000
		- Ngày, đêm	700.000	900.000	1.100.000
7	Thị xã Sơn Tây và các huyện ngoại thành	- Ban ngày	300.000	400.000	550.000
		- Ban đêm	400.000	500.000	650.000
		- Ngày, đêm	500.000	600.000	750.000

II. GIÁ TỐI ĐA DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước: Giao chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2017 của Bộ Tài chính xây dựng và quyết định mức giá dịch vụ nhưng tối đa không cao hơn mức giá cụ thể tại các biểu theo mục I trên.

III. GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ XE TỰ ĐỘNG QUA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG MINH:

1. Giá trông giữ theo lượt:

1.1. Quy định về lượt:

+ Lượt xe tối đa không quá 60 phút, quá thời gian 60 phút thu thêm lượt tiếp theo.

- Từ 18 giờ đến trước 6 giờ sáng hôm sau:

+ Trường hợp gửi xe qua đêm: Tính bằng 6 lượt (ví dụ: Giá 1 lượt là 25.000 đồng/xe/lượt, giá gửi xe qua đêm là: 25.000 đồng/xe/lượt x 6 = 150.000 đồng/xe).

+ Trường hợp gửi xe theo lượt (không gửi qua đêm): Tính theo mức giá cụ thể tại biểu dưới.

1.2. Quy định về hình thức thanh toán: Người sử dụng dịch vụ thanh toán qua tin nhắn qua đầu số 9556, thẻ thanh toán quốc tế, thẻ thanh toán nội địa.

Trường hợp người sử dụng dịch vụ thanh toán giá dịch vụ bằng tin nhắn qua đầu số 9556: Theo mức giá lượt tại bảng dưới, ngoài ra phải thanh toán chi phí dịch vụ tin nhắn của các nhà mạng di động qua đầu số 9556 (10% giá trị giao dịch), chi phí dịch vụ nhà mạng được niêm yết công khai tại các điểm trông giữ xe.

đơn vị tính: đồng/xe/lượt = 60 phút

Nội dung thu	Giờ 1	Giờ 2	Giờ 3	Giờ 4	Từ giờ 5 trở đi	Gửi xe qua đêm (đồng/xe/đêm)
Xe đến 9 chỗ ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống	25.000	25.000	35.000	35.000	45.000	150.000
Xe từ 10 chỗ ngồi và xe tải trên 2 tấn	30.000	30.000	45.000	45.000	55.000	180.000

2. Giá trông giữ xe ô tô hợp đồng theo tháng:

- Quy định về hình thức thanh toán: Qua thẻ thanh toán quốc tế, thẻ thanh toán nội địa.

- Mức thu đối với loại hình theo chỗ ngồi và đối với xe tính theo tải trọng (xe tải): Bằng mức thu giá dịch vụ trông giữ xe ô tô theo tháng tại mục 2.2 nêu trên theo từng địa bàn.

Trong quá trình thực hiện, khi các chi phí cấu thành giá có sự thay đổi làm biến động giá dịch vụ, các đơn vị tổ chức trông giữ có trách nhiệm rà soát, nghiên cứu, tổng hợp và xây dựng phương án giá gửi Sở Giao thông vận tải xem xét đề xuất gửi Sở tài chính chủ trì thẩm định trình UBND thành phố xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

IV. GIÁ DỊCH VỤ TRÔNG GIỮ PHƯƠNG TIỆN THAM GIA GIAO THÔNG BỊ TẠM GIỮ DO VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG.

1. Trường hợp đối tượng nộp giá dịch vụ là người bị tạm giữ phương tiện do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (TTATGT)

Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu
- Xe máy, xe lam	đồng/xe/ngày đêm	8.000
- Xe đạp, xe đạp điện, xe máy điện, xe xích lô	đồng/xe/ngày đêm	5.000
- Xe ô tô đến 9 ghế ngồi và xe tải từ 2 tấn trở xuống	đồng/xe/ngày đêm	70.000
- Xe từ 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 2 tấn trở lên	đồng/xe/ngày đêm	90.000

2. Trường hợp phương tiện bị tạm giữ có quyết định tịch thu thì giá trông giữ phương tiện thực hiện như sau: Căn cứ loại xe; số ghế xe ô tô chở người; trọng tải xe, địa điểm trông giữ xe, thời gian trông giữ xe: Áp dụng mức giá thu trông giữ xe hợp đồng theo tháng tại biểu dưới đây nhưng mức thu tối đa bằng số tiền bán phương tiện tịch thu sau khi trừ các chi phí hợp lý, hợp lệ cho việc bán phương tiện theo quy định.

2.1. Đối với xe đạp, xe máy điện, xe đạp điện, xe xích lô

Địa điểm trông giữ	Đơn vị tính	Mức thu
- Tại các quận	đồng/xe/tháng	40.000
- Tại các huyện; thị xã Sơn Tây	đồng/xe/tháng	30.000

2.2. Đối với xe máy, xe lam:

Địa điểm trông giữ	Đơn vị tính	Mức thu
- Tại các quận	đồng/xe/tháng	70.000
- Tại các huyện; thị xã Sơn Tây	đồng/xe/tháng	50.000

2.3. Giá trông giữ xe ô tô

- Mức thu đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách)

Địa điểm trông giữ	Mức thu(đồng/tháng)			
	Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 24 ghế ngồi	Từ 25 ghế đến 40 ghế ngồi	Trên 40 ghế ngồi
- Tại 4 quận: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa	1.500.000	1.600.000	1.700.000	1.800.000
- Tại các quận còn lại	900.000	1.000.000	1.100.000	1.200.000
- Tại thị xã Sơn Tây và các huyện	500.000	600.000	700.000	800.000

- Mức thu đối với loại xe tính theo tải trọng (xe tải)

Địa điểm trông giữ	Mức thu(đồng/tháng)		
	Đến 2 tấn	Trên 2 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
- Tại các quận	600.000	700.000	900.000
- Tại thị xã Sơn Tây và các huyện	500.000	600.000	750.000



